TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 123/2025/HS-PT
Ngày: 04/02/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tấn
Các Thẩm phán: 1/ Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú
2/ Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Yến Xuân, Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Ông Bùi Như Lạc, Kiểm sát viên cao cấp Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 284/2025/TLPT-HS ngày 06/10/2026. Do có kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thị Thái Â và bị hại Trương Thị C, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2025/HS-ST ngày 31/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Bị cáo có kháng cáo: **Huỳnh Thị Thái Â**, sinh năm 1983 tại tỉnh Bình Thuận (nay là tỉnh Lâm Đồng); Tên gọi khác: M; Nơi cư trú: Khu phố A, xã L, tỉnh Lâm Đồng (Địa chỉ cũ: Khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận); Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Ba N và bà Trần Thị B; Bị cáo có chồng và 03 con; Tiền án, tiền sự: không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cứ trú (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Hoàng Văn T, Công ty TNHH Tư pháp Sài Gòn, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; Địa chỉ: Số B tầng B đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Người bị hại có kháng cáo: Bà Trương Thị C, sinh năm 1972; Địa chỉ: Khu phố A, xã L, tỉnh Lâm Đồng (Địa chỉ cũ: Khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận) (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2015 đến năm 2016, giữa bà Trương Thị C và Huỳnh Thị Thái Â mua bán mực với nhau. Quá trình mua bán, hai bên không lập sổ sách để theo dõi mà cộng nợ theo từng ngày, đến cuối năm 2016, Â còn nợ bà C số tiền mua mực là 400.000.000 đồng. Do bà C nhiều lần đòi nợ nhưng Â không có tiền trả nợ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bà C, Â đưa ra thông tin gian dối là Â có 01 lô đất tọa lạc khu vực A2, bên cạnh quán B1 thuộc khu phố D, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận (cũ) và muốn bán cho bà C để trừ nợ. Ân dẫn bà C đến vị trí trên và chỉ vào 01 thửa đất (không rõ của ai) và nói là đất của mình, bà C tin tưởng nên đồng ý mua thửa đất với giá 400.000.000 đồng để cấn trừ nợ, đồng thời yêu cầu Â viết giấy tay bán đất cho bà C vào ngày 03/12/2016.

Đến năm 2018, giữa Huỳnh Thị Thái Â và bà Trương Thị C tiếp tục mua bán mực với nhau, cuối năm 2018, sau khi chốt công nợ, Â nợ bà C số tiền 170.000.000 đồng. Do bà C nhiều lần đòi tiền nhưng Â không có tiền trả nên Â tiếp tục đưa ra thông tin gian dối là Â có 01 lô đất tại khu vực A, gần tiệm H thuộc khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận (cũ) và muốn bán lại cho bà C để trừ nợ. Sau đó, Â dẫn bà C đến vị trí 01 lô đất (không rõ của ai) gần tiệm H chỉ cho bà C xem, bà C đồng ý mua với giá 170.000.000 đồng, hai bên thống nhất cấn trừ số tiền nợ 170.000.000 đồng nhưng không làm giấy mua bán.

Sau khi mua 02 lô đất nêu trên, bà C nhiều lần yêu cầu Â giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C và thực hiện thủ tục sang tên. Do sợ bà C phát hiện việc bán đất không phải của mình nên Â nảy sinh ý định làm giả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để giao cho bà C. Huỳnh Thị Thái Â truy cập vào mạng xã hội, liên lạc với một người (không rõ nhân thân, lai lịch) đặt làm 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 02 thửa đất có vị trí nêu trên. Â cung cấp thông tin hai thửa đất, thông tin của người đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là con ruột tên Dương Ngọc Trà M1, sinh năm 2003, có địa chỉ: khu phố G, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận (cũ) với chi phí làm là 7.000.000 đồng.

Đến tháng 8/2023, Â nhận được 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và trả tiền phí 4.000.000 đồng, còn nợ 3.000.000 đồng, vì sợ trả phí còn lại nên Â đã vứt bỏ sim số điện thoại để tránh liên lạc trả tiền. Sau đó, Â đưa lần lượt cho bà

C 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 713703 (do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận cấp vào ngày 10/06/2022, mang tên Dương Ngọc Trà M1, sinh năm 2003; địa chỉ: Khu phố G, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận) tại nhà bà C và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 713703 (do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 10/12/2022, mang tên Dương Ngọc Trà M1, sinh năm 2003; địa chỉ: Khu phố G, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận) tại siêu thị C2 - Phan Rí C1. Bà C không biết 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng đề số CĐ 713703 mà Â đã đưa cho mình là giả nên cất giữ trong nhà chờ Â làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất sang tên cho mình.

Đến ngày 08/9/2023, bà C muốn thế chấp 02 thửa đất nêu trên để vay vốn ngân hàng nên đã mang 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đến Chi nhánh Văn phòng Đ, tỉnh Bình Thuận để kiểm tra thì phát hiện 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là giả. Chi nhánh Văn phòng Đ, tỉnh Bình Thuận tạm giữ 02 Giấy chứng nhận, đồng thời chuyển thông tin cùng 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản Kết luận giám định số 595/KL-KTHS ngày 10/6/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận:

02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cùng đề số CĐ 713703, mang tên Dương Ngọc Trà M1, sinh năm 2003, địa chỉ: Khu phố G, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận, nơi cấp: Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận, lần lượt cấp ngày 10/6/2022 và ngày 10/12/2022 là giả.

Vật chứng của vụ án gồm: 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cùng đề số CĐ 713703, mang tên Dương Ngọc Trà M1, sinh năm 2003; địa chỉ: Khu phố G, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận, mang tên nơi cấp: Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận, lần lượt đề cấp ngày 10/6/2022 và ngày 10/12/2022; Giấy bán đất ngày 31/12/2016 giữa bà Trương Thị C và Huỳnh Thị Thái Â do bà Trương Thị C giao nộp; Giấy xác nhận ngày 22/9/2023 của Trương Thị C về việc Huỳnh Thị Thái Â đã trả hết tiền nợ 570.000.000 đồng do Huỳnh Thị Thái Â giao nộp được lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Về phần dân sự: Huỳnh Thị Thái Â đã trả cho bị hại Trương Thị C số tiền 570.000.000 đồng; bà C không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Bản Cáo trạng số: 19/CT-VKS-P1 ngày 13/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, có nội dung: Truy tố bị cáo Huỳnh Thị Thái Â về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan,

tổ chức" theo quy định tại khoản 4 Điều 175 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2025/HS-ST ngày 31/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, đã tuyên xử:

Áp dụng khoản 4 Điều 175; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 50, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Thị Thái Â 08 năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng Điểm b khoản 3 Điều 341; các điểm n, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Thị Thái Â 03 năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Huỳnh Thị Thái Â chấp hành hình phạt chung của hai tội là 11 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

Bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề về tang vật, án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/8/2025 bị cáo Huỳnh Thị Thái Â, làm đơn kháng cáo, nêu lý do: Bản án sơ thẩm không thỏa đáng, xin xem xét lại vụ án.

Ngày 11/8/2025, người bị hại bà Trương Thị C cũng làm đơn kháng cáo kêu oan cho bị cáo về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, bà cho rằng bị cáo không hề có ý định chiếm đoạt tiền của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo cho rằng, quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm bị cáo đã nhiều lần khiếu nại để yêu cầu xem xét lại các trình tự, thủ tục tố tụng khi xem xét tội danh của bị cáo, nhưng không được giải quyết. Tại phiên tòa này, bị cáo đề nghị xem xét lạo bản án sơ thẩm và hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo xác định trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, quá trình khởi tố vụ án thì luật sư đã đưa ra các tài liệu để chứng minh là bị cáo và luật sư đã làm nhiều đơn khiếu nại ở tại Cơ quan điều tra, nhưng cơ quan điều tra không giải quyết. Đến giai đoạn ở Viện kiểm sát cũng chuyển đơn cho cơ quan điều tra nhưng Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát cũng không giải quyết. Tại phiên tòa sơ thẩm, bản án sơ thẩm nhận định là cấp sơ thẩm, Tòa án sơ thẩm, Hội đồng xét xử sẽ kết hợp giải quyết khiếu nại này trong bản án. Việc giải

quyết nêu trên là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Ngoài ra, luật sư xác định bị cáo đã trả tiền cho người bị hại trước ngày khởi tố vụ án. Với nhiều căn cứ và vi phạm tố tụng nêu trên, luật sư đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Người bị hại bà Trương Thị C đề nghị giải oan cho bị cáo vì bà không có yêu cầu khởi tố và tại phiên tòa này, bà cũng vẫn giữ nguyên lời khai xin xét cho bị cáo Â.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp phúc thẩm nhận định, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Về nội dung Viện kiểm sát thấy rằng, sau khi xem xét các tài liệu do luật sư cung cấp về khiếu nại, giải quyết khiếu nại thì quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm còn nhiều thiếu sót. Việc không giải quyết khiếu nại mà tiến hành đưa ra xét xử là vi phạm thủ tục tố tụng. Cơ quan Viện kiểm sát của tỉnh đã thụ lý tiếp nhận hồ sơ giải quyết khiếu nại và đã chuyển cho cơ quan điều tra giải quyết khiếu nại, nhưng Cơ quan điều tra không thực hiện các trình tự thủ tục để giải quyết khiếu nại là thiếu sót. Do đó Viện kiểm sát có thay đổi lại phần phát biểu là chấp nhận phần kháng cáo của phía bị cáo, hủy án sơ thẩm để điều tra giải quyết lại theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, nghe bị cáo trình bày, nghe đại diện Viện kiểm sát và luật sư phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục kháng cáo:* Đơn kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thị Thái Â và kháng cáo của người bị hại là bà Trương Thị C làm trong hạn luật định nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

[2] *Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo thì thấy:*

[2.1] Từ khoảng thời gian năm 2015 đến năm 2016, giữa bị cáo Â và bà C có mua bán mực với nhau. Bị cáo Â còn thiếu 400.000.000 đồng, bà C có đòi tiền nhưng Â không có tiền trả. Sau đó Â đưa ra thông tin có một lô đất ở khu A thuộc khu phố D, L, T, Bình Thuận muốn bán để trừ nợ. Hai bên đồng ý và làm giấy tay ngày 3/12/2016.

Đến năm 2018 thì tiếp tục mua bán mực, bị cáo Â nợ tiếp 170.000.000 đồng Bị cáo cũng đưa thông tin về một lô đất có tên là A3 ở khu phố A, L, P, Bình Thuận. Hai bên cũng đồng ý mua bán trừ nợ và không làm giấy tay, không làm giấy tờ gì, chỉ thỏa thuận miệng. Sau đó bà C có yêu cầu giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Â đã nhờ người không rõ lai lịch làm 2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để đưa cho bà C làm tin. Giấy chứng nhận này do con của bị cáo Â

là Dương Ngọc Trà M1 đứng tên. Đến năm 2003 bà C đi vay ngân hàng và thế chấp tài sản thì mới biết đó là giấy giả.

[2.2] Xét thấy, số nợ giữa bị cáo Â và bà C là có thật. Bị cáo không trốn tránh và lúc đó bị cáo cũng không có tiền trả. Khi thỏa thuận, hai bên chỉ làm giấy tay hoặc không làm giấy tờ mà chỉ thỏa thuận miệng, nhưng cũng không ra cơ quan chức năng để công chứng chứng thực theo luật định. Khi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thì giấy chứng nhận không phải do bị cáo đứng tên mà do con của bị cáo đứng tên. Dù bị cáo không đứng tên trên giấy chứng nhận, nhưng bà C vẫn đồng ý và thỏa thuận đối với việc hẹn trả nợ nêu trên. Quá trình điều tra đã không làm rõ và không triệu tập đối với con của bị cáo là người đứng tên trên 2 giấy chứng nhận là Dương Ngọc Trà M1.

Ngoài ra, tại thời điểm ngày 22/9/2023, Huỳnh Thị Thái Â đã trả xong số nợ cho bà C, nhưng đến ngày 21/7/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra mới ra quyết định khởi tố, việc khởi tố nêu trên là chưa phù hợp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Â đã liên tục làm nhiều đơn khiếu nại nhưng cơ quan điều tra không giải quyết và cũng không thể hiện việc giải quyết khiếu nại trong hồ sơ vụ án. Việc không giải quyết khiếu nại nêu trên là chưa phù hợp với các trình tự, thủ tục tố tụng khi giải quyết một vụ án hình sự.

Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm cũng như trong hồ sơ, thể hiện có nhiều đơn kêu oan của phía người bị hại, cho rằng không có yêu cầu khởi tố vụ án.

Xét thấy, vụ án nêu trên có nhiều trình tự thủ tục tố tụng chưa phù hợp với quy định pháp luật, nhiều vấn đề về nội dung chưa được điều tra làm rõ, cũng như nhiều vấn đề liên quan đến việc áp dụng pháp luật chưa đúng với quy định pháp luật. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Â, của người bị hại bà Trương Thị C cũng như lời đề nghị của luật sư và đề nghị của Viện kiểm sát, hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết theo luật định.

Bởi các lẽ trên;

Áp dụng Điều 355 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thị Thái Â và chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị hại bà Huỳnh Thị Thái Â.

Hủy Bản án Hình sự sơ thẩm số 52/2025/HSST ngày 31/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, chuyển hồ sơ vụ án về Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng giải quyết theo quy định pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCT & KSXXPT tại Tp. HCM;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Công an tỉnh Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các bị cáo;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án, VNYX.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Tấn